

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

#### 3.1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công

##### 3.1.1 Giải pháp kỹ thuật

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |                  |
|--|--|------------------|
| a. Tổ chức mặt bằng công trường:<br>- Thiết bị thi công;<br>- Kho bãi tập kết vật liệu;<br>- Lán trại;<br>- Bố trí rào chắn, biển báo;<br>- Tổ chức phân luồng giao thông trong quá trình thi công | Có giải pháp mặt bằng tổ chức (thuyết minh và bản vẽ) hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng                                 | Đạt              |
|  | Không có hoặc thiếu $\geq 01$ Giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt        |
| b. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm từng thành viên  | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý   | Đạt              |
|  | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, không ghi rõ trách nhiệm từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý                                   | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

##### 3.1.2 Biện pháp kỹ thuật tổ chức thi công

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |           |
|---|--|-----------|
| a. Giải pháp công tác trắc đạc, định vị các kết cấu công trình. | Nêu thuyết minh và bản vẽ đầy đủ, hợp lý khả thi                   | Đạt       |
|   | Nêu sơ sài, chiếu lệ hoặc không nêu hoặc không có bản vẽ minh họa. | Không đạt |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| b. Công tác đảm bảo giao thông (lắp đặt biển báo, đèn báo hiệu, hướng dẫn lưu thông, bảng thông báo,...).                         | Nêu thuyết minh và bản vẽ đầy đủ, hợp lý khả thi  | Đạt              |
|   | Nêu sơ sài, chiều lệ hoặc không nêu hoặc không có bản vẽ minh họa.  | Không đạt        |
| c. Biện pháp thi công hệ thống camera   | Có thuyết minh BPTC kèm theo bản vẽ thể hiện theo yêu cầu, chi tiết, hợp lý, phù hợp với hồ sơ thiết kế, trình tự phương án thi công, điều kiện thi công, hiện trạng công trình và các quy trình quy phạm hiện hành   | Đạt              |
|   | Không có BPTC hoặc bản vẽ theo yêu cầu hoặc có thuyết minh BPTC nhưng không có bản vẽ hoặc có bản vẽ nhưng không có thuyết minh BPTC hoặc có thuyết minh BPTC và bản vẽ nhưng biện pháp thi công sơ sài hoặc không phù hợp với hồ sơ thiết kế, trình tự phương án thi công, điều kiện thi công, hiện trạng công trình và các quy trình quy phạm hiện hành | Không đạt        |
| d. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt thiết bị và phần mềm   | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hợp lý và hiệu quả kinh tế theo yêu cầu của E-HSMT.   | Đạt              |
|   | Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hoặc có nhưng không hợp lý và hiệu quả kinh tế, không đáp ứng được yêu cầu của E-HSMT   | Không đạt        |
| e. Giải pháp cho công tác: Dọn dẹp vệ sinh, hoàn thiện trước khi bàn giao; Lập hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán A-B. | Nêu đầy đủ, hợp lý khả thi  | Đạt              |
|   | Không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi   | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 5 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.2. Tiến độ thi công

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |                  |
|---|--|------------------|
| <p>3.2.1 Thời gian thực hiện gói thầu 150 ngày</p> <p>Nhà thầu phải lập Biểu tiến độ thi công chi tiết cho các công tác thuộc biện pháp kỹ thuật tổ chức thi công nêu trên.</p> | <p>- Đề xuất thời gian thực hiện gói thầu không quá 150 ngày</p> <p>- Nhà thầu có lập Biểu tiến độ thi công chi tiết cho các công tác thuộc biện pháp kỹ thuật tổ chức thi công.</p> | Đạt              |
|   | <p>Đề xuất thời gian thực hiện gói thầu vượt quá 150 ngày; hoặc không có Biểu tiến độ thi công chi tiết cho các công tác thuộc biện pháp kỹ thuật tổ chức thi công nêu trên.</p>     | Không đạt        |
| <p>3.2.2. Tính phù hợp:</p> <p>- Giữa biểu đồ huy động thiết bị và biểu đồ tiến độ thi công;</p> <p>- Giữa biểu đồ bố trí nhân lực và biểu đồ tiến độ thi công.</p>             | <p>Có đề xuất biểu đồ huy động thiết bị, nhân lực phù hợp với thời gian thi công</p>   | Đạt              |
|   | <p>Không đề xuất hoặc có nhưng không phù hợp</p>   | Không đạt        |
| <p>3.2.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT</p>  | <p>Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p>   | Đạt              |
|   | <p>Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật</p>  | Không đạt        |
| <p><b>Kết luận</b></p>  | <p>Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</p>  | <b>Đạt</b>       |
|   | <p>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>  | <b>Không đạt</b> |

### 3.3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, Tổ chức quản lý hiện trường

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|------------------|----------------|
|------------------|----------------|

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
| Tổ chức quản lý dự án, Tổ chức quản lý hiện trường | Có biện pháp tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường phù hợp với đề xuất kỹ thuật và tiến độ thi công.                           | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường hoặc có nhưng không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và tiến độ thi công. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>                                    | Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|--|---|------------------|
| 3.4.1 Có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự liên quan đến công tác quản lý chất lượng và thuyết minh mô tả trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức  | Có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự liên quan đến công tác quản lý chất lượng và thuyết minh mô tả trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự hoặc không có thuyết minh hoặc có sơ đồ tổ chức và thuyết minh nhưng không hợp lý, không khả thi không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.                  | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị và vật tư, nguyên vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công:<br>(1). Lập bảng danh mục vật tư, vật liệu theo điểm 3.8.1 Mục 3 Chương III của E-HSMT;<br>(2). Quy trình và biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị;<br>(3). Biện pháp quản lý chất lượng cho công tác thi công hệ thống camera<br>(4) Biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị khi mưa bão | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc thiếu $\geq 1$ biện pháp hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.                        | <b>Không đạt</b> |
|  | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác   | <b>Đạt</b>       |

|                 |  |                  |
|-----------------|--|------------------|
| <b>Kết luận</b> | định là đạt.   | <b>Không đạt</b> |
|                 | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. |                  |

**3.5. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |           |
|---|--|-----------|
| <b>3.5.1. An toàn lao động</b>  |  |           |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                  | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công  | Đạt       |
|   | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công            | Không đạt |
| <b>3.5.2. An toàn giao thông</b>  |  |           |
| Biện pháp an toàn giao thông, tổ chức phân luồng giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp an toàn giao thông, tổ chức phân luồng giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | Đạt       |
|   | Không có biện pháp an toàn giao thông hoặc có biện pháp an toàn giao thông nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công        | Không đạt |
| <b>3.5.3. Phòng cháy, chữa cháy</b>   |  |           |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                            | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | Đạt       |
|   | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
| <b>3.5.4. Vệ sinh môi trường</b>   |   |                  |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì

| <b>Nội dung yêu cầu</b>           | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|-----------------------------------|---|------------------|
| 3.6.1 Thời gian bảo hành          | <p>Có đề xuất thời gian bảo hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian <math>\geq 12</math> tháng.</li> <li>- Toàn bộ phần thiết bị và phần mềm: thời gian bảo hành <math>\geq 24</math> tháng kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và không ngắn hơn quy định của nhà sản xuất.</li> <li>- Các vật tư, thiết bị khác: có đề xuất thời gian bảo hành <math>\geq 12</math> tháng kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và không ngắn hơn quy định của nhà sản xuất.</li> </ul> | <b>Đạt</b>       |
|                                   | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên hoặc không cam kết   | <b>Không đạt</b> |
| 3.6.2 Kế hoạch bảo trì công trình | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trình bày kế hoạch và quy trình về bảo trì công trình.</li> <li>- Trong thời gian bảo hành, bảo trì đơn vị thi công phải cam kết đảm bảo các yêu cầu sau:</li> </ul>  | <b>Đạt</b>       |

|                 |  |                  |
|-----------------|--|------------------|
|                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian tiếp nhận thông tin trong vòng 30 phút;</li> <li>+ Thời gian kiểm tra, khắc phục sự cố đơn giản trong vòng 02 giờ;</li> <li>+ Thời gian kiểm tra, khắc phục sự cố đơn giản trong vòng 08 giờ;</li> <li>+ Cử cán bộ trực tiếp khắc phục sự cố tại địa điểm do chủ đầu tư yêu cầu trong vòng 24 giờ khi có yêu cầu.</li> <li>- Có cam kết định kỳ kiểm tra, bảo trì công trình ít nhất 06 tháng/lần trong thời gian bảo hành</li> </ul> |                  |
|                 | Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không phù hợp với công trình hoặc Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ theo yêu cầu  | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b> | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|                 | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

### 3.7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |                  |
|--|---|------------------|
| <p>3.7.1 Thông tin uy tín của Nhà thầu về việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025</p> <p><i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản cam kết. Nhà thầu cam kết một cách trung thực, trường hợp phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</i></p> <p><i>Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu.</i></p> | <p>Nhà thầu không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 hoặc có nhưng nhà thầu thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025.</p> | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Nhà thầu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 nhưng không thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-</p>                                  | <b>Không đạt</b> |

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
|   | CP ngày 04/8/2025.   |                  |
| 3.7.2 Thông tin uy tín của nhà thầu về kết quả thực hiện hợp đồng của Nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 (Trừ khoản 1 Điều 20) của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025, kể từ ngày 1/1/2022 đến thời điểm đóng thầu<br><i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản cam kết. Nhà thầu cam kết một cách trung thực, trường hợp phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</i><br><i>Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu.</i> | Nhà thầu không có hợp đồng vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. | <b>Đạt</b>       |
|   | Nhà thầu có hợp đồng vi phạm tiến độ, chất lượng do lỗi của Nhà thầu.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.8. Các yếu tố cần thiết khác

|   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| <b>3.8.1 Đối với các vật tư, vật liệu chính:</b><br>- Khung bulong<br>- Cản vưon<br>- Cáp điện<br>- Cáp mạng<br>- Cọc tiếp địa<br>- Cáp đồng trần<br>- Trụ thép | Nhà thầu có cam kết thực hiện cung cấp đúng tiến độ và đạt chất lượng theo thiết kế và bản chính hoặc bản sao được công chứng/chứng thực hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp kèm theo bản sao được công chứng/chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà cung cấp hoặc tài liệu chứng minh nhà thầu tự sản xuất và cung cấp các vật tư, vật liệu chính. | <b>Đạt</b>       |
|   | Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có): Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên   | <b>Không đạt</b> |
| 3.8.2 Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất   | - Bảng liệt kê đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa. Trong đó phải nêu đầy đủ các thông tin như: Xuất xứ, ký hiệu (nếu   | <b>Đạt</b>       |

|                                   |   |           |
|-----------------------------------|---|-----------|
|                                   | <p>có), mã hiệu (nếu có), nhãn mác (nếu có), nước sản xuất; hãng sản xuất, năm sản xuất</p> <p>- Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và có cung cấp tài liệu chứng minh các thông số kỹ thuật thiết bị đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Mục II. Chương V (cung cấp cataloge hoặc tài liệu tương đương khác).</p>  |           |
|                                   | <p>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ không phù hợp, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT và tài liệu chứng minh không đáp ứng yêu cầu E-HSMT hoặc không cung cấp tài liệu chứng minh theo yêu cầu</p>   | Không đạt |
| 3.8.3 Kế hoạch vận hành, chạy thử | <p>Có đề xuất cụ thể và hợp lý.</p>   | Đạt       |
|                                   | <p>Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không cụ thể, không hợp lý.</p>   | Không đạt |
| 3.8.4 Cam kết                     | <p><u>Nhà thầu phải có cam kết sau:</u></p> <p>- Thiết bị cung cấp, lắp đặt có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, đầy đủ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm theo qui định hiện hành, tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt.</p> <p>- Thiết bị cung cấp còn mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện; sản xuất từ năm 2025 trở về sau.</p> <p>- Đối với thiết bị sản xuất hoặc gia công lắp ráp trong nước: bản gốc hoặc Bản sao chứng thực: Chứng chỉ chất lượng được cơ quan có thẩm quyền cấp cho đơn vị sản xuất hoặc giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng</p> <p>- Đối với thiết bị nhập khẩu: bản gốc hoặc Bản sao chứng thực</p> <p>+Giấy Chứng nhận xuất xứ (C/O).</p> | Đạt       |

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
|   | +Giấy Chứng nhận chất lượng (C/Q).<br>- Phần mềm cung cấp phải có hồ sơ chứng minh bản quyền của phần mềm thương mại (tính hợp pháp, số lượng) |                  |
|   | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên   | Không đạt        |
| <b>3.8.5 Kế hoạch đào tạo và hướng dẫn sử dụng:</b> Kế hoạch đào tạo và quy trình hướng dẫn sử dụng gồm các nội dung chủ yếu sau: nội dung công việc; cách thức tiến hành | Có đề xuất cụ thể và hợp lý.   | Đạt              |
|   | Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không cụ thể, không hợp lý.   | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 5 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.